

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 15/2022/DS-ST.

Ngày: 15/02/2022.

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thanh Sang – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐ-HPT ngày 24/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Lộc, xã TĐ, huyện TH, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Ông **Danh B**, sinh năm 1984 và bà **Thị H**, sinh năm 1986 (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4 khu phố Sur Nam, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1972 (vợ ông D - có mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Lộc, xã TH Đông, huyện TH, tỉnh KG.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày như sau:*

Vào ngày 29/4/2021 ông Nguyễn Văn D có cho vợ chồng ông Danh B, bà Thị H vay số tiền là 240.000.000 đồng để đi đáo hạn ngân hàng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận bằng lãi ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày sẽ trả lại cho ông D, khi vay hai bên có làm biên nhận nợ đề ngày 29/4/2021. Hết thời hạn 10 ngày thì ông D đến nhà đòi thì vợ chồng ông B, bà H không có tiền trả cho ông D. Đến ngày 18/5/2021 ông B có viết cam kết có nội dung trong thời hạn 01 tháng (từ ngày 18/5/2021 đến ngày 18/6/2021) mà ông B, bà H không có tiền trả cho ông D thì sẽ giao căn nhà và đất tại khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D. Tuy nhiên, mặc dù ông D đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông B, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D. Ông D nhận thấy vợ chồng ông B, bà H không có thiện chí trả nợ nên vào ngày 07/7/2021 ông D yêu cầu vợ chồng ông B, bà H lập giấy bán nhà cho ông D với số tiền là 240.000.000 đồng để trừ nợ. Đến nay vợ chồng ông B, bà H vẫn chưa thực hiện trả nợ hoặc giao tài sản trên để trừ nợ. Do đó, ông D làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B, bà H phải trả cho ông D số tiền là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp vợ chồng ông B, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông B, bà H phải giao căn nhà và đất có diện tích là ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại tổ 4 khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, ông D chỉ yêu cầu ông B, bà H phải trả cho ông D số tiền là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1,5%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể tính từ ngày 29/4/2021 đến ngày 15/02/2022 là 09 tháng 15 ngày. Làm tròn là 09 tháng x 240.000.000 đồng x 1,5%/tháng = 32.400.000 đồng. Tiền gốc và tiền lãi là 272.400.000 đồng (240.000.000 đồng + 32.400.000 đồng).

Ông D rút yêu cầu buộc ông B, bà H giao căn nhà và đất có diện tích là ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại tổ 4 khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D quản lý, sử dụng.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Danh B trình bày:*

Ông Danh B thừa nhận những lời trình bày của ông Nguyễn Văn D là hoàn toàn đúng, ông Danh B thừa nhận vào ngày 29/4/2021 vợ chồng ông B và vợ là bà Thị H có vay của ông D số tiền là 240.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày vay để đáo hạn ngân hàng. Do làm ăn không hiệu quả nên vợ chồng ông bà không có khả năng trả nợ cho ông D. Vào ngày 18/5/2021 ông D có đến nhà vợ chồng ông B, H đòi nợ thì ông B, bà H hẹn 01 tháng sẽ trả hết nợ cho ông D nếu không sẽ giao nhà và đất ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để trừ nợ. Đến ngày 07/7/2021 ông D tiếp tục đến nhà đòi nợ thì ông B, bà H đã lập giấy bán nhà cho ông D với số tiền là 240.000.000 đồng để trừ nợ nhưng chưa thực hiện việc giao nhà đất trên.

Nay thì ông D yêu cầu trả số tiền vay là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì ông B đồng ý trả số nợ gốc là 240.000.000 đồng nhưng ông B yêu cầu xin trả dần mỗi mùa lúa là 60.000.000 đồng trả đến khi nào hết số nợ trên, đối với số tiền lãi thì ông B yêu cầu được miễn vì hoàn cảnh gia đình hiện nay gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra không trình bày gì thêm nữa.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thị H trình bày:*

Tôi thừa nhận vào ngày 29/4/2021 tôi và chồng tôi là ông Danh B có vay của ông Nguyễn Văn D số tiền gốc là 240.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày vay để đáo hạn ngân hàng. Do làm ăn không hiệu quả nên vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ cho ông D. Nay phía ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng chúng tôi phải trả số tiền vay gốc là 240.000.000 đồng thì chúng tôi cũng đồng ý trả số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi mùa lúa là 60.000.000 đồng trả đến khi nào hết nợ, còn đối với số tiền lãi thì xin được miễn vì hoàn cảnh gia đình hiện đang khó khăn. Đồng thời bà Thị H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử

vắng mặt do bận công việc, không có thời gian tham dự. Ngoài ra bà H không trình bày gì thêm.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim P trình bày:*

Bà Kim P thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn D không bổ sung hoặc thay đổi gì. Bà P yêu cầu ông Danh B, bà Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm cho chồng bà là ông D. Ngoài ra bà P không trình bày gì thêm.

*\* Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Danh B, bà Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền nợ tổng cộng là 272.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 240.000.000 đồng, tiền lãi là 32.400.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về việc buộc ông B, bà H giao căn nhà và đất có diện tích là ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại tổ 4 khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D quản lý, sử dụng để trừ nợ do ông D tự nguyện rút lại một phần yêu cầu.

Đồng thời buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D với bị đơn ông Danh B, bà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim P; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Danh B, bà Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vắng mặt phía bị đơn.

Trước đây theo thông báo thụ lý vụ án số: 217/2021/TB-TLVA ngày 10/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Nay HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án này như sau: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán nhà, đất*”.

[3] *Về nội dung vụ án*: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây vào ngày 29/4/2021 vợ chồng ông Danh B và bà Thị H có vay của ông Nguyễn Văn D số tiền là 240.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày vay để đáo hạn ngân hàng, khi vay giữa hai bên có lập biên nhận nợ đề ngày 29/4/2021. Vào ngày 18/5/2021 và ngày 07/7/2021 D có đến nhà vợ chồng ông B, H đòi nợ thì ông B, bà H hứa hẹn sẽ trả hết số nợ trên cho ông D, nếu không sẽ giao nhà và đất có chiều ngang 5m x chiều dài 18m, đất tọa lạc tại khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để cầm trả nợ nhưng chưa thực hiện.

Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án phía ông Danh B và bà Thị H đều thừa nhận còn nợ phía ông D số tiền vay gốc nêu trên, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Danh B và bà Thị H phải trả cho ông số tiền nợ tổng cộng là 272.400.000 đồng, trong đó tiền gốc là 240.000.000 đồng và tiền lãi là 32.400.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Danh B và bà Thị H cũng thừa nhận hiện tại ông bà còn nợ ông D số tiền vay gốc là 240.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa số tiền là 60.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên do hoàn cảnh hiện tại quá khó khăn.

Xét yêu cầu tính lãi của phía nguyên đơn: đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1,5%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên làm giấy cam kết nợ với nhau vào ngày 29/4/2021, phía ông B và bà H hẹn sẽ thanh toán hết số nợ trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền gốc và lãi. Tại phiên tòa hôm nay phía ông D không đồng ý miễn lãi cho phía bên ông Danh B và bà Thị H. Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía bị đơn ông B và bà H. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX miễn xét.

Tại phiên tòa hôm nay phía ông D tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông B, bà H giao căn nhà và đất có diện tích là ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại tổ 4 khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D quản lý, sử dụng để trừ nợ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí DSST : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Danh B, bà Thị H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông D.

Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông D.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D. Buộc ông Danh B và bà Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 272.400.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 240.000.000 đồng, tiền lãi là 32.400.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông D về việc buộc ông Danh B, bà Thị H giao căn nhà và đất có diện tích là ngang 5m, dài 18m đất tọa lạc tại tổ 4 khu phố Sur Nam, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cho ông D quản lý, sử dụng để trừ nợ do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

3/. Về án phí DSST : Buộc ông Danh B và bà Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.620.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001363 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn An**

